

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 293/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 4 - 2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tuyết Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trương Thị Thu Thủy

Ông Nguyễn Phú Lộc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Trọng Tín –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 83/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025, về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 189/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 231/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Kim H, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: Khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phước L, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: Số G, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lưu Kim H trình bày và có ý kiến như sau:**

- Về hôn nhân: Giữa bà Lưu Kim H và ông Nguyễn Phước L tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2004, chúng tôi không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 132 ngày 01/9/2004 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu; trong quá trình chung sống, hai vợ chồng cùng nhau làm nghề mua bán rau ở P vào khoảng năm 2021 nhưng không thuận lợi nên có phát sinh cự cãi. Từ đó, vợ chồng chuyển về C để sinh sống và cũng bắt đầu ly thân từ đó đến nay. Ông L từ lúc ly thân đến nay ít quan tâm, chăm sóc đến vợ con, chỉ thỉnh thoảng

gọi nói chuyện với con nhưng không nhắc gì đến tôi. Thời điểm ban đầu khi ông L biết tôi xin ly hôn thì có chủ động đến để hàn gắn nhưng do đã xa cách quá lâu, tôi cũng không còn tình cảm gì với ông L nữa nên tôi không đồng ý. Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 13/01/2005 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 20/11/2007. Hiện cháu N đã thành niên và có khả năng lao động được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu K đang sống với bà; sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lưu Kim H Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn ông Nguyễn Phước L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Nguyễn Phước L không có văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án và không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cho đến việc diễn biến tại phiên tòa của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lưu Kim H khởi kiện ông Nguyễn Phước L cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang yêu cầu ly hôn, giải quyết về nuôi con chung. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xác định quan hệ pháp luật là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Phiên tòa được mở lần thứ hai nhưng nguyên đơn bà Lưu Kim H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 12/3/2025, với nội dung đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà Lưu Kim H. Ông Nguyễn Phước L đã được Tòa án triệu tập dự phiên tòa đúng theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng ông Nguyễn Phước L vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lưu Kim H và ông Nguyễn Phước L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Lưu Kim H và ông Nguyễn Phước L là hôn nhân hợp pháp bởi ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Xem xét yêu cầu ly hôn của bà Lưu Kim H, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng của ông bà đã không còn hạnh phúc, do một bên không còn tình cảm, đã có khoảng thời gian ly thân, cả hai có những mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được do giữa ông bà không có sự cảm thông cho nhau. Trong quá trình Tòa án xem xét giải quyết vụ án, ông Nguyễn Phước L không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện chưa có sự quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của bà Lưu Kim H. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Lưu Kim H là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà Lưu Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Phước L.

[2.2] Về quan hệ con chung: Theo giấy khai sinh của Nguyễn Thị Thảo N và Nguyễn Quốc K cũng như lời trình bày của bà Lưu Kim H và nội dung biên bản xác minh tại Văn phòng ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang thì giữa bà H và ông Nguyễn Phước L có con 02 (hai) con chung Nguyễn Thị Thảo N và Nguyễn Quốc K; hiện con chung chưa thành niên Nguyễn Quốc K đang do bà Lưu Kim H đang nuôi dưỡng, chăm sóc.

Xét thấy, theo tài liệu chứng cứ hồ sơ vụ án thể hiện con chung Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 13/01/2005 hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết; đối với con chung chưa thành niên Nguyễn Quốc K đã và đang được bà Lưu Kim H giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho cháu được ổn định về tâm sinh lý, chỗ ở, sinh hoạt nên bà Lưu Kim H yêu cầu được nuôi con chung chưa thành niên Nguyễn Quốc K là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 20/11/2007 cho bà Lưu Kim H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Phước L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Lưu Kim H và các thành viên trong gia đình của bà Lưu Kim H không được cản trở ông Nguyễn Phước L thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà Lưu Kim H không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Lưu Kim H trình bày giữa bà và ông Nguyễn Phước L về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án

giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay do không có mặt của ông Nguyễn Phước L để đối chất làm rõ các mối quan hệ này nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Lưu Kim H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 và khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lưu Kim H và ông Nguyễn Phước L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 132, ngày 01/9/2004 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Lưu Kim H và ông Nguyễn Phước L không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ nuôi con: Có 02 (hai) con chung Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 13/01/2005 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 20/11/2007.

2.1. Con chung Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 13/01/2005 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

2.2. Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 20/11/2007 cho bà Lưu Kim H được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Phước L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Lưu Kim H và các thành viên trong gia đình của bà Lưu Kim H không được cản trở ông Nguyễn Phước L thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Bà Lưu Kim H không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp nếu có tranh chấp liên quan đến tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Lưu Kim H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số **0009383** ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Bà Lưu Kim H đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Lưu Kim H và ông Nguyễn Phước L vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi Cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Bình Thủy;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Tuyết Mai**